

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 6 - 2020

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn;

2. Ông Đặng Hoàng Mịch.

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Thảo Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 634/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Lê Thị Huyền T**, sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T T, xã T Đ, huyện B Đ, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* **Trần Quốc H**, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T Đ, xã Đ T, huyện B Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2020 và những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn chị Lê Thị Huyền T trình bày:*

Chị và anh H cưới nhau vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 theo giấy chứng nhận kết hôn số 64, ngày 26/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 09 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H lo đi chơi, có người đàn bà khác bên ngoài. Chị và anh H đã ly thân từ

tháng 09 năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 11/02/2013 và Trần Gia B, sinh ngày 05/11/2017. Hiện cháu B đang sống chung với chị, cháu Nh đang sống chung với anh H. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu B, để cháu Nh cho anh H tiếp tục nuôi, hai bên không cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Trong các lần mời hoà giải, làm việc cũng Nh tại phiên toà anh Trần Quốc H đều vắng mặt nên không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Có đảm B tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại tất cả các lần hòa giải, cũng Nh xét xử là không chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Huyền T đối với anh Trần Quốc H.

Về con chung: Chị Lê Thị Huyền T được nuôi con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 05/11/2017, anh Trần Quốc H được nuôi con chung tên Trần Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 11/02/2013. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Về tài sản chung: chị T khai không có nên không xét đến.

Về nợ chung: chị T khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Anh Trần Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử Nhng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Huyền T và anh Trần Quốc H kết hôn vào năm 2012, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Trung vào năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, Nhng sau đó sống ly thân từ tháng 09 năm 2019 cho đến nay chị T và anh H đã không còn sống chung, chị T cho rằng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H lo đi chơi, có người đàn bà khác bên ngoài điều đó cho thấy đời sống chung giữa chị T và anh H đã phát sinh mâu thuẫn, giữa chị T và anh H đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời anh H và chị T để hoà giải cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng Nhng anh H vẫn vắng mặt không lí do, cho thấy anh H đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên yêu cầu ly hôn của chị T với anh H được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Quá trình chung sống chị T, anh H có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 05/11/2017, chị T yêu cầu được nuôi cháu B, anh H nuôi cháu Nh, hai bên không cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, cháu B đang sống chung với chị T, cháu Nh đang sống chung với anh H, cả hai con chung vẫn phát triển bình thường, cháu Nh cũng có nguyện vọng sống chung với anh H nên nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh chị. Do đó, tiếp tục để chị T nuôi cháu B, anh H nuôi cháu Nh là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T; Anh H biết được yêu cầu về nuôi con chung của chị T thông qua việc nhận được thông báo thụ lý vụ án Nhng không có ý kiến phản hồi, không tham gia các buổi hòa giải, làm việc và phiên tòa, do đó chấp nhận yêu cầu của chị T về việc chị T nuôi cháu B, anh H nuôi cháu Nh, hai bên không cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

[3]. *Về tài sản chung*: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về nợ chung*: Chị T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. *Về án phí* : Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: chị Lê Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Huyền T đối với anh Trần Quốc H. Chị Lê Thị Huyền T được ly hôn với anh Trần Quốc H.

[2]. Về con chung: Chị Lê Thị Huyền T được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 05/11/2017; anh Trần Quốc H được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 11/02/2013. Hai bên nuôi con chung, không cấp dưỡng lẫn nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Chị T khai không có, nên không xét đến.

[4]. Về nợ chung: Chị T khai không có, nên không xét đến.

[5]. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007910 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy chị Lê Thị Huyền T đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị Huyền T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Trần Quốc H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Định Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu